

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/2024/DSST

Ngày 31/01/2024

V/v: “Tranh chấp đòi tiền nợ họ, phường”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Ngọc Hải
2. Ông Nguyễn Hoàn Đại

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án
Toà án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H: Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh - Kiểm sát
viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H mở phiên toà xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2023/TLST- DS ngày 21 tháng 12 năm 2023 về
việc “Tranh chấp đòi tiền nợ họ, phường” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
06/2024/QĐXXST ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1965. Có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Ông Hoàng Đình S, sinh năm 1948. Vắng mặt

Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1952. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại
phiên tòa của nguyên đơn là bà Lê Thị H1 thể hiện:

Năm 2018, bà H1 có tham gia chơi họ do ông Hoàng Đình S đứng cầm cái, số tiền bà
H1 đóng họ là 26.124.000đ (Hai mươi sáu triệu, một trăm hai mươi tư nghìn đồng). Ngày
01/7/2019, ông S và bà V đã viết giấy nhận nợ họ đối với bà H1, hẹn bắt đầu trả nợ từ
tháng thứ 17 đến tháng thứ 28 trả hết nợ cho bà H1, tức là tháng 12/2021 sẽ trả hết nợ cho

bà H1. Tuy nhiên đến 28/12/2021, ông S bà V mới trả cho bà H1 số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Nay bà H1 yêu cầu ông S và bà V phải trả cho bà H1 toàn bộ số tiền còn nợ là 25.124.000đ (Hai mươi lăm triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Bà H1 không yêu cầu ông S bà V phải trả lãi suất cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Tại lời trình bày của ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V trong biên bản ghi lời khai ngày 04/01/2024 thể hiện:

Vợ chồng ông bà có nợ của cô Lê Thị H1 số tiền nợ họ là 26.124.000đ (Hai mươi sáu triệu, một trăm hai mươi tư nghìn đồng), đã trả được 1.000.000đ (Một triệu đồng), còn nợ lại là 25.124.000đ (Hai mươi lăm triệu, một trăm hai mươi tư nghìn đồng). Ông bà hiện nay khó khăn, hẹn khi nào có sẽ trả cho cô Lê Thị H1 số tiền còn nợ là 25.124.000đ (Hai mươi lăm triệu, một trăm hai mươi tư nghìn đồng). Do điều kiện hoàn cảnh hiện nay rất khó khăn nên ông S bà V đề nghị miễn tiền án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, thu thập tài liệu, chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm đề nghị giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng Điều 471 của BLDS năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H1, buộc ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V phải trả toàn bộ số tiền còn nợ họ là 25.124.000đ (Hai mươi lăm triệu, một trăm hai mươi tư nghìn đồng) cho bà H1.

Về lãi suất: Bà H1 không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn án phí cho ông S và bà V. Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hay toàn bộ yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị H1 khởi kiện đòi ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V phải trả số tiền còn nợ họ là 25.124.000 đồng, bị đơn là ông S và bà V cư trú tại xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy, đây là “Tranh chấp đòi tiền nợ họ, phường” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H

theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35, **khoản 1 Điều 39** Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97, Điều 98 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị H1 có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải và chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 25/01/2024, do bị đơn là ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp ghi lời khai của bị đơn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H1 đề nghị buộc ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V phải trả số tiền còn nợ là 25.124.000 đồng, nhận thấy:

Tất cả các đương sự đều thừa nhận ông S bà V đang còn nợ bà H1 số tiền họ là 25.124.000đ (Hai mươi lăm triệu, một trăm hai mươi tư nghìn đồng). Bà H1 yêu cầu ông S và bà V phải trả ngay cho bà H1 toàn bộ số tiền còn nợ, ông S và bà V đề nghị hiện tại ông bà khó khăn, hẹn khi nào có sẽ trả. Nhận thấy, việc ông S bà V còn nợ bà H1 số tiền họ là 25.124.000 đồng được các bên đương sự đều thừa nhận; yêu cầu của bà H1 đề nghị ông S bà V phải trả làm một lần toàn bộ số tiền trên là có căn cứ pháp luật. Vì vậy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H1, buộc ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V phải trả cho bà H1 số tiền họ còn nợ là 25.124.000đ (Hai mươi lăm triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Về lãi suất: Nguyên đơn là bà Lê Thị H1 không yêu cầu ông S bà V phải trả lãi cho đến khi trả xong toàn bộ nợ gốc. Vì vậy, không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS, điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bị đơn là người cao tuổi, đã đề nghị miễn án phí nên **miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn là ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V.**

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39 khoản 3 Điều 144, 147, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- **Điều 471** của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H1. Buộc ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị H1 số tiền còn nợ là 25.124.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Về lãi suất: Bà Lê Thị H1 không yêu cầu ông S và bà V phải trả tiền lãi suất cho đến khi trả xong toàn bộ khoản tiền nợ gốc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V. Trả lại cho nguyên đơn là bà Lê Thị H1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 628.000đ (Sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003671 ngày 21/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h. H;
- Chi cục THA DS h. H;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Hải Nguyễn Hoàng Đại

Lê Thị Ngọc Tú

